TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG ANA** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/DS-ST
Ngày 30 - 9 - 2020
"V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA - TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Thế Chiến;

2. Ông Vũ Kim Quy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Krông Ana xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 50/2020/TLST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2020 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐXXST- DS ngày 26/8/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: 15/05 L, tổ dân phố 7, phường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, *(vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)*.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc H và bà Vũ Thị L, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, *(đều vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 5 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Đức T trình bày:*

Ông Nguyễn Đức T và vợ chồng ông Nguyễn Ngọc H và bà Vũ Thị L có mối quan hệ quen biết với nhau từ lâu. Vì cần tiền để làm ăn nên nhiều lần ông T cho ông H, bà L mượn tiền và do tin tưởng nhau nên khi mượn hai bên không lập giấy tờ vay mượn gì. Đến ngày 17/11/2019, ông T và bà L mới ngồi đối chiếu lại công nợ và hai bên đã thống nhất ông H, bà L còn nợ ông T số tiền vay gốc là 300.000.000 đồng và

tiền lãi là 30.000.000 đồng. Sau khi đối chiếu xong công nợ, hai bên có lập "Giấy xác nhận nợ và cam kết trả nợ" ngày 17/11/2019, thời hạn trả nợ trước ngày 20/12/2019. Bà L đã ký xác nhận vào giấy nhận nợ này trên cơ sở tự nguyện. Khi lập "Giấy xác nhận nợ và cam kết trả nợ" ngày 17/11/2019, vì ông T nghĩ bà L và ông H là vợ chồng nên chỉ cần bà L ký vào giấy nhận nợ và sau này vợ chồng ông H, bà L sẽ có trách nhiệm cùng trả nợ chung. Đến hạn trả nợ như đã thỏa thuận, ông T đã nhiều lần yêu cầu bà L trả nợ nhưng bà L cứ khất hết lần này đến lần khác.

Ông T yêu cầu vợ chồng ông H bà L có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền gốc vay còn nợ là 300.000.000 đồng và tiền lãi là 30.000.000 đồng mà ông T và bà L đã thống nhất chốt nợ với nhau vào ngày 17/11/2019, ông T không yêu cầu ông H bà L trả tiền lãi phát sinh thêm.

** Đối với bị đơn ông Nguyễn Ngọc H và bà Vũ Thị L:* Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và giấy triệu hợp lệ nhiều lần nhưng ông H, bà L không đến Tòa án làm việc và cố tình lẩn tránh. Qua xác minh tại địa phương nơi ông H bà L đang cư trú được biết ông H bà L vẫn cư trú tại địa phương, nhưng ông H bà L cố tình lẩn tránh không đến Tòa án để tham gia tố tụng nên Tòa án không thể lấy lời khai của ông H bà L được.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quan hệ pháp luật giải quyết của vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, thủ tục giải quyết và việc thu thập chứng cứ theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng từ khi khai mạc phiên tòa đến khi kết thúc phần tranh luận.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự (BLDS); Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đức T;

- Bác yêu cầu của ông Nguyễn Đức T về việc yêu cầu buộc ông Nguyễn Ngọc H phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà Vũ Thị L trả nợ tiền vay cho ông Nguyễn Đức T.

- Buộc bà Vũ Thị L phải trả cho ông Nguyễn Đức T tiền gốc là 300.000.000 đồng, tiền lãi là 30.000.000 đồng.

Về án phí: Bà Vũ Thị L phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Nguyễn Đức T là nguyên đơn, có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Ngọc H và bà Vũ Thị L là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng, nhưng ông H và bà L đều vắng mặt. Sau khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án xét xử, ông H và bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu đòi tiền vay tài sản của nguyên đơn:

Yêu cầu đòi tiền vay gốc 300.000.000 đồng, tiền lãi 30.000.000 đồng vào ngày 17/11/2019; xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án bà L cố tình vắng mặt nên Tòa án đã thu thập mẫu chữ ký và chữ viết của bà L để trưng cầu giám định, so sánh chữ ký và chữ viết của bà L trong giấy nhận nợ vào ngày 17/11/2019 do ông T cung cấp.

Tại bản kết luận giám định số 126/KLGĐ-PC09 ngày 21/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ ký và chữ viết dưới mục "BÊN B" trong giấy xác nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 17/11/2019 mang tên Vũ Thị L so với các tài liệu là biên bản giao nhận ngày 20/11/2017, bản tự khai ngày 01/12/2017, biên bản giao nhận ngày 01/12/2017, biên bản hòa giải thành ngày 12/12/2017 trong hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 104/2017/TLST-DS ngày 20/11/2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, đều do bà L ký và viết ra.

Do vậy cần khẳng định bà Vũ Thị L có vay tiền của ông Nguyễn Đức T số tiền gốc 300.000.000 đồng, tiền lãi 30.000.000 đồng theo giấy nhận nợ vào ngày 17/11/2019.

Đối với việc yêu cầu ông Nguyễn Ngọc H có nghĩa vụ liên đới cùng bà Vũ Thị L trả số tiền vay cho ông T, xét thấy trong "Giấy xác nhận nợ và cam kết trả nợ" ngày 17/11/2019 chỉ có ông T và bà L ký giấy nhận nợ với nhau, mặt khác ông T không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào thể hiện ông T có cho ông H mượn tiền, quá trình giải quyết vụ án ông H bà L cố tình vắng mặt nên không thể lấy lời khai của ông bà được, nên không có căn cứ để buộc ông H có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho ông T; đồng thời xác định việc cho vay mượn tiền này chỉ được xác lập giữa ông T với bà L nên cần buộc bà L có nghĩa vụ trả nợ cho ông T.

[2.2]. Xét thấy, đây là hợp đồng vay tài sản, việc hai bên thỏa thuận lập giấy xác nhận nợ và cam kết trả nợ vào ngày 17/11/2019 là hoàn toàn tự nguyện, đây là số tiền bà L vay của ông T còn nợ, nhưng đến thời hạn bà L không trả tiền cho ông T theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo hợp đồng được quy định tại Điều 466 BLDS. Do đó, yêu cầu của ông T về khoản tiền gốc vay và tiền lãi đối với bà L còn nợ là đúng pháp luật nên cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3]. Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn bà Vũ Thị L phải chịu 5.040.000 đồng tiền chi phí giám định theo phiếu thu tiền ngày 21/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk (Ông T đã nộp tạm ứng chi phí giám định theo phiếu thu tiền ngày 07/8/2020).

Sau khi thu được tiền của bà L, trả lại cho ông T 5.040.000 đồng tiền tạm ứng chi phí giám định mà ông T đã nộp.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của ông Nguyễn Đức T được chấp nhận nên bà Vũ Thị L phải chịu án phí DSST có giá ngạch mà HĐXX buộc phải trả là 330.000.000 đồng x 5% = 16.500.000 đồng.

Về yêu cầu của ông T yêu cầu ông H phải trả nợ nhưng không được chấp nhận, nhưng do bà L vẫn phải có nghĩa vụ trả đủ số tiền mà ông T khởi kiện nên ông Thanh không phải chịu án phí về yêu cầu không được chấp nhận này.

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Đức T 8.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông T đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 161, Điều 162, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đức T.

1. Bác yêu cầu của ông Nguyễn Đức T về việc yêu cầu buộc ông Nguyễn Ngọc H phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà Vũ Thị L trả nợ tiền vay cho ông Nguyễn Đức T.

2. Buộc bà Vũ Thị L phải trả cho ông Nguyễn Đức T 330.000.000 đồng *(Ba trăm ba mươi triệu đồng)* tiền vay (trong đó tiền gốc là 300.000.000 đồng, tiền lãi là 30.000.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về chi phí tố tụng:

Bà Vũ Thị L phải chịu số tiền 5.040.000 đồng *(Năm triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng)* tiền chi phí giám định mà ông Nguyễn Đức T đã nộp tạm ứng chi phí giám định là 6.000.000 đồng *(Sáu triệu đồng)*, theo phiếu thu tiền ngày 07/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana. Do vậy bà Vũ Thị L phải hoàn trả lại cho ông Nguyễn Đức T tiền tạm ứng chi phí giám định là 5.040.000 đồng *(Năm triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng)*.

Trả lại cho ông Nguyễn Đức T tiền tạm ứng chi phí giám định còn thừa là 960.000 đồng *(Chín trăm, sáu mươi nghìn đồng)*. Ông T đã được nhận lại theo biên bản trả tiền ngày 26/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

4. Về án phí:

Bà Vũ Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 16.500.000 đồng *(Mười sáu triệu, năm trăm nghìn đồng)*.

Trả lại cho ông Nguyễn Đức T 8.250.000 đồng *(Tám triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Ana theo biên lai thu tiền số: 008510 ngày 19 tháng 5 năm 2020.

5. Thông báo quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Văn Đoàn

Nơi nhận:
- P. Kiểm tra- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Ana;
- CC THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.